

Phụ lục III
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích toàn huyện (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				Thị trấn Krông Năng	Xã Dliêya	Xã Ea Tóh	Xã Ea Tam	Xã Phú Lộc	Xã Tam Giang	Xã Ea Puk	Xã Ea Dăh	Xã Ea Hồ	Xã Phú Xuân	Xã Cư Klông	Xã Ea Tân
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	165,29	32,86	2,29	3,36	1,68	10,27	31,98	26,56	21,93	17,04	8,51	1,55	7,25
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0,37	0,12				0,02			0,01	0,13	0,10		
-	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	0,37	0,12				0,02			0,01	0,13	0,10		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	21,68	0,01	0,05	0,01	0,01		0,34	18,69	2,07	0,02	0,28	0,11	0,07
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	143,15	32,71	2,23	3,34	1,67	10,25	31,64	7,87	19,85	16,90	8,09	1,44	7,17
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN													
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN													
-	Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN													
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,09	0,02	0,00	0,01	0,00		0,00	0,00	0,00		0,04		0,00
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN													
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN													
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp														
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,82			1,50	0,04		0,13				0,04	0,11	

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở